

Số: /TTr-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

Về dự thảo Nghị quyết quy định mức chi khen thưởng đối với cán bộ, giáo viên, giảng viên, huấn luyện viên, người hướng dẫn, bồi dưỡng và học sinh, học viên, sinh viên thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai trong các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội giảng, hội thao, các giải thể thao của ngành Giáo dục và Đào tạo

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Nghị quyết quy định mức chi khen thưởng đối với cán bộ, giáo viên, giảng viên, huấn luyện viên, người hướng dẫn, bồi dưỡng và học sinh, học viên, sinh viên thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai đạt giải trong các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội giảng, hội thao, các giải thể thao của ngành Giáo dục và Đào tạo như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;
- Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;
- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Giáo dục số 123/2025/QH15;
- Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15;
- Luật thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15;
- Nghị định số 66/2026/NĐ-CP ngày 02/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;
- Nghị định số 110/2020/NĐ-CP ngày 15/9/2020 của Chính phủ quy định chế độ khen thưởng đối với học sinh, sinh viên, học viên đoạt giải trong các kỳ thi quốc gia, quốc tế;
- Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
- Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ về việc Sửa

đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

- Thông tư liên tịch số 43/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 14/03/2012 của Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc quy định nội dung và mức chi hoạt động thi tay nghề các cấp;

- Thông tư liên tịch số 79/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 21/05/2012 của Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định nội dung và mức chi hoạt động Hội giảng giáo viên dạy nghề và Hội thi thiết bị dạy nghề tự làm.

2. Cơ sở thực tiễn

Việc tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội giảng, Hội khỏe Phù Đổng, Đại hội Thể dục thể thao, hội thao, các giải thể thao trong ngành Giáo dục và Đào tạo đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Đây là một trong những hoạt động nhằm đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của người học, phát hiện và bồi dưỡng tài năng, phát triển năng lực, tư duy sáng tạo của người học góp phần đổi mới phương pháp dạy học, thúc đẩy phong trào thi đua “Dạy tốt - Học tốt”.

Trước khi sáp nhập, tỉnh Bình Định và tỉnh Gia Lai đều đã ban hành các văn bản quy định về nội dung chi, mức chi phục vụ tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục. Cụ thể:

- Nghị quyết số 36/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân tỉnh Bình Định quy định nội dung, mức chi khen thưởng cho cán bộ, giáo viên và học sinh trên địa bàn tỉnh Bình Định tham gia các hội thi, kỳ thi, cuộc thi do ngành Giáo dục tổ chức;

- Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định mức tiền thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên, đoàn thể thao lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao cấp quốc gia, cấp khu vực, cấp tỉnh, cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Nghị quyết số 69/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định về nội dung chi, mức chi đặc thù để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh Gia Lai.

Để bảo đảm tiến độ xử lý các văn bản chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy theo Công văn số 6243/BTP-KTVB&QLXLVPHC ngày 06/10/2025 của Bộ Tư pháp¹, việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy phạm pháp luật thay thế các Nghị quyết nêu trên là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

¹ Khoản 4 Công văn số 6243/BTP-KTVB&QLXLVPHC ngày 06/10/2025 của Bộ Tư pháp đề nghị: “Các địa phương hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế, ban hành mới các văn bản của địa phương chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy trước ngày 01/6/2026”

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

Xây dựng Nghị quyết nhằm bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của các cấp quản lý giáo dục, các cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh và những người tham gia các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội giảng, hội thao, giải thể thao do ngành Giáo dục và đào tạo tổ chức trên địa bàn tỉnh.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

- Bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.
- Nội dung Nghị quyết phải phù hợp với quy định của pháp luật; tình hình thực tế, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả và khả năng ngân sách của tỉnh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Trên cơ sở xét Tờ trình số 868/TTr-SGDĐT ngày 25/02/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc xin chủ trương xây dựng Nghị quyết trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Gia Lai, Ủy ban nhân dân tỉnh có Văn bản số 2723/UBND-KGVX ngày 11/3/2026 giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát đề xuất xây dựng các Nghị quyết của HĐND tỉnh trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo quy định; đảm bảo tính khả thi, hiệu quả-

2. Sở Giáo dục và Đào tạo thành lập Tổ soạn thảo Nghị quyết, tổ chức xây dựng dự thảo, lấy ý kiến của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị trực thuộc; thực hiện đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định; tổng hợp, tiếp thu ý kiến, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết gửi Sở Tư pháp thẩm định theo quy định về thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Sở Tư pháp đã thẩm định nội dung Tờ trình và dự thảo Nghị quyết trên và đã có Báo cáo số 229/BC-STP ngày 31/3/2026 báo cáo kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi khen thưởng đối với cán bộ, giáo viên, giảng viên, huấn luyện viên và học sinh, sinh viên thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai đạt giải trong các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội thao, Hội khỏe Phù Đổng do ngành Giáo dục tổ chức.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

- Nghị quyết này quy định mức tiền thưởng đối với giáo viên, giảng viên, huấn luyện viên, người hướng dẫn và học sinh, học viên, sinh viên thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai đạt giải trong các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội giảng, hội thao, các giải thể thao do ngành Giáo dục và Đào tạo tổ chức hoặc quyết định cử tham gia.

- Tên gọi, nội dung, quy chế các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội giảng, hội thao, các giải thể thao do ngành Giáo dục và Đào tạo, các tổ chức trong nước và quốc tế quy định.

b) Đối tượng áp dụng

- Giáo viên, giảng viên và học sinh, học viên, sinh viên đạt giải trong các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội giảng, hội thao, các giải thể thao do ngành Giáo dục và Đào tạo tổ chức hoặc quyết định cử tham gia.

- Giáo viên, giảng viên, huấn luyện viên, người trực tiếp hướng dẫn, bồi dưỡng, huấn luyện học sinh, học viên, sinh viên đạt giải trong các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội giảng, hội thao, các giải thể thao do ngành Giáo dục và Đào tạo tổ chức hoặc quyết định cử tham gia.

2. Bộ cục của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết gồm 04 Điều, cụ thể như sau:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.
- Điều 2. Nội dung chi, mức chi khen thưởng
- Điều 3: Nguồn kinh phí thực hiện.
- Điều 4. Điều khoản thi hành.

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

- Nội dung, mức chi khen thưởng cho học sinh đạt giải và cán bộ, giáo viên, giảng viên bồi dưỡng thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai trong kỳ thi chọn học sinh giỏi được thực hiện theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này.

- Nội dung, mức chi khen thưởng cho giáo viên, học sinh, học viên, sinh viên đạt giải và cán bộ, giáo viên, giảng viên, người hướng dẫn thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai trong các cuộc thi, hội thi, hội giảng do ngành Giáo dục tổ chức được thực hiện theo quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này.

- Nội dung, mức chi khen thưởng cho giáo viên, học sinh, học viên, sinh viên đạt giải và cán bộ, giáo viên, huấn luyện viên, người hướng dẫn thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai trong Hội khỏe Phù Đổng, Đại hội Thể dục thể thao, hội thao, giải thể thao do ngành Giáo dục tổ chức được thực hiện theo quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị quyết này.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Dự kiến kinh phí thực hiện: 5.276.595.000 đồng (*Năm tỷ, hai trăm bảy mươi sáu triệu, năm trăm chín mươi lăm ngàn đồng chẵn*).

So với kinh phí thực hiện năm 2025 là: 3.534.342.500 đồng (*Ba tỷ, năm trăm ba mươi bốn triệu, ba trăm bốn mươi hai ngàn, năm trăm đồng chẵn*), tăng: 1.742.252.500 đồng (*Một tỷ, bảy trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm năm mươi hai ngàn, năm trăm đồng chẵn*).

2. Nguồn kinh phí

Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Nghị quyết này gồm: Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác

3. Thời gian trình thông qua

Dự kiến trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thông qua tại Kỳ họp thứ 2 (Chuyên đề) của Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2026-2031.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị

(Kèm theo Dự thảo Nghị quyết và hồ sơ liên quan).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban VHXH-HĐND tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Các Sở: GDĐT, NV, TC, TP;
- CVP, PVPVX UBND tỉnh;
- Lưu: VT, V7

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lâm Hải Giang

Phụ lục I

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. MỨC CHI TIỀN THƯỞNG CHO HỌC SINH ĐẠT GIẢI VÀ CÁN BỘ, GIÁO VIÊN, GIẢNG VIÊN BỒI DƯỠNG HỌC SINH ĐẠT GIẢI TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI

STT	Nội dung	Mức tiền thưởng (đồng)			
		Cấp tỉnh	Quốc gia	Khu vực	Quốc tế
1	2	3	4	5	6
I	Khen thưởng học sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi				
	Giải nhất	4.000.000	20.000.000	60.000.000	80.000.000
	Giải nhì	2.500.000	12.500.000	37.500.000	50.000.000
	Giải ba	1.500.000	7.500.000	22.500.000	30.000.000
	Giải khuyến khích	900.000	4.500.000	13.500.000	18.000.000
II	Khen thưởng giáo viên bộ môn trực tiếp giảng dạy học sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi Quốc gia				
	Giải nhất		5.000.000		
	Giải nhì		4.000.000		
	Giải ba		3.000.000		
	Giải khuyến khích		2.000.000		
III	Khen thưởng nhóm giáo viên, giảng viên bồi dưỡng học sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi Quốc gia (*)				
1	Đạt từ 01 đến dưới 05 giải				
	Giải nhất		10.000.000		
	Giải nhì		8.000.000		
	Giải ba		6.000.000		
	Giải khuyến khích		4.000.000		
2	Đạt từ 05 đến dưới 10 giải				
	Giải nhất		15.000.000		
	Giải nhì		12.000.000		
	Giải ba		9.000.000		
	Giải khuyến khích		6.000.000		
3	Đạt từ 10 đến dưới 15 giải				
	Giải nhất		20.000.000		
	Giải nhì		16.000.000		
	Giải ba		12.000.000		
	Giải khuyến khích		8.000.000		
4	Đạt từ 15 giải trở lên				

	Giải nhất		25.000.000		
	Giải nhì		20.000.000		
	Giải ba		15.000.000		
	Giải khuyến khích		10.000.000		

Ghi chú:

- (*) Mức tiền thưởng nhóm giáo viên, giảng viên bồi dưỡng học sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia được tính theo tổng số giải học sinh đạt được của môn học, tương ứng với mức tiền thưởng ở giải cao nhất trong các giải đạt được.

- Mức tiền thưởng cho học sinh đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi cấp xã, cấp trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo bằng 0,4 lần mức tiền thưởng cho học sinh đạt giải cấp tỉnh.

- Mức tiền thưởng cho giáo viên bộ môn đang trực tiếp giảng dạy học sinh đạt giải cấp tỉnh bằng 0,4 lần mức tiền thưởng cho giáo viên bộ môn đang trực tiếp giảng dạy học sinh đạt giải quốc gia.

- Mức tiền thưởng cho nhóm cán bộ, giáo viên bồi dưỡng học sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh bằng 0,4 lần mức tiền thưởng cho nhóm cán bộ, giáo viên bồi dưỡng học sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia.

- Mức tiền thưởng cho học sinh đạt giải cấp trường trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã bằng 0,2 lần mức tiền thưởng cho học sinh đạt giải cấp tỉnh.

B. MỨC TIỀN THƯỞNG CHO GIÁO VIÊN, GIẢNG VIÊN, HỌC SINH, HỌC VIÊN, SINH VIÊN ĐẠT GIẢI VÀ GIÁO VIÊN, GIẢNG VIÊN, NGƯỜI HƯỚNG DẪN HỌC SINH, HỌC VIÊN, SINH VIÊN ĐẠT GIẢI TRONG CÁC KỲ THI, CUỘC THI, HỘI THI, HỘI GIẢNG CỦA NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

STT	Nội dung	Mức tiền thưởng (đồng)			
		Cấp trường (*)	Cấp xã (**)	Cấp tỉnh	Quốc gia
1	2	3	4	5	6
A	Cuộc thi, hội thi dành cho học sinh phổ thông				
I	Khen thưởng học sinh đạt giải				
	Giải nhất	400.000	600.000	1.000.000	2.000.000
	Giải nhì	320.000	480.000	800.000	1.600.000
	Giải ba	240.000	360.000	600.000	1.200.000
	Giải tư/Giải khuyến khích/ Giải phong cách/ Giải triển vọng	160.000	240.000	400.000	800.000
II	Khen thưởng giáo viên, giảng viên, người hướng dẫn học sinh đạt giải				
	Giải nhất		600.000	1.000.000	2.500.000
	Giải nhì		480.000	800.000	2.000.000
	Giải ba		360.000	600.000	1.500.000
	Giải tư/Giải khuyến khích/ Giải phong cách/ Giải triển vọng		240.000	400.000	1.000.000

STT	Nội dung	Mức tiền thưởng (đồng)			
		Cấp trường (*)	Cấp xã (**)	Cấp tỉnh	Quốc gia
1	2	3	4	5	6
B	Kỳ thi, hội thi dành cho học sinh, học viên, sinh viên, tác giả, nhóm tác giả cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp				
I	Khen thưởng tác giả, nhóm tác giả đạt giải hội thi thiết bị đào tạo tự làm				
1	Đối với giải cá nhân				
	Giải nhất		1.200.000	2.000.000	4.000.000
	Giải nhì		900.000	1.500.000	3.000.000
	Giải ba		600.000	1.000.000	2.000.000
	Giải khuyến khích		180.000	300.000	600.000
2	Đối với giải tập thể				
	Giải nhất		2.400.000	4.000.000	8.000.000
	Giải nhì		1.800.000	3.000.000	6.000.000
	Giải ba		1.200.000	2.000.000	4.000.000
	Giải khuyến khích		300.000	500.000	1.000.000
II	Khen thưởng học sinh, học viên, sinh viên đạt giải trong kỳ thi kỹ năng nghề				
1	Đối với giải cá nhân				
	Giải nhất		2.400.000	4.000.000	8.000.000
	Giải nhì		1.200.000	2.000.000	4.000.000
	Giải ba		600.000	1.000.000	2.000.000
	Giải khuyến khích		180.000	300.000	600.000
2	Đối với giải tập thể				
	Giải nhất		4.800.000	8.000.000	16.000.000
	Giải nhì		2.400.000	4.000.000	8.000.000
	Giải ba		1.200.000	2.000.000	4.000.000
	Giải khuyến khích		360.000	600.000	1.200.000
III	Khen thưởng giáo viên, giảng viên, người hướng dẫn học viên, sinh viên đạt giải trong kỳ thi kỹ năng nghề				
	Giải nhất		600.000	900.000	1.500.000
	Giải nhì		400.000	600.000	1.000.000
	Giải ba		280.000	420.000	700.000
	Giải khuyến khích		120.000	180.000	300.000
C	Kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội giảng dành cho giáo viên, giảng viên				
I	Khen thưởng giáo viên mầm non, giáo viên phổ thông				
	Giải nhất	400.000	600.000	1.000.000	2.000.000
	Giải nhì	320.000	480.000	800.000	1.600.000
	Giải ba	240.000	360.000	600.000	1.200.000

STT	Nội dung	Mức tiền thưởng (đồng)			
		Cấp trường (*)	Cấp xã (**)	Cấp tỉnh	Quốc gia
1	2	3	4	5	6
	Giải tư/Giải khuyến khích/Giải phong cách/Giải triển vọng	160.000	240.000	400.000	800.000
II	Khen thưởng giáo viên, giảng viên cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp				
1	Đối với giải cá nhân				
	Giải nhất		1.200.000	2.000.000	4.000.000
	Giải nhì		900.000	1.500.000	3.000.000
	Giải ba		600.000	1.000.000	2.000.000
	Giải khuyến khích		180.000	300.000	600.000
2	Đối với giải tập thể				
	Giải nhất		2.400.000	4.000.000	8.000.000
	Giải nhì		1.800.000	3.000.000	6.000.000
	Giải ba		1.200.000	2.000.000	4.000.000
	Giải khuyến khích		300.000	500.000	1.000.000

Ghi chú:

- (*) Cấp trường gồm các trường trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.
- (**) Cấp xã bao gồm cả các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, các trường cao đẳng, trường trung cấp.
- Học sinh, sinh viên, học viên đạt giải trong kỳ thi kỹ năng nghề quốc tế, châu Á, Đông Nam Á được thưởng theo mức sau:

STT	Nội dung	Mức tiền thưởng (đồng)		
		Quốc tế	Châu Á	Đông Nam Á
1	Huy chương Vàng	80.000.000	60.000.000	30.000.000
2	Huy chương Bạc	50.000.000	37.500.000	18.800.000
3	Huy chương Đồng	30.000.000	22.500.000	11.500.000
4	Khuyến khích	18.000.000	13.500.000	6.800.000

C. MỨC TIỀN THƯỞNG CHO GIÁO VIÊN, GIẢNG VIÊN, HỌC SINH, HỌC VIÊN, SINH VIÊN ĐẠT GIẢI VÀ GIÁO VIÊN, HUẤN LUYỆN VIÊN, NGƯỜI HƯỚNG DẪN HỌC SINH, HỌC VIÊN, SINH VIÊN TRONG HỘI KHỎE PHÙ ĐỒNG, ĐẠI HỘI THỂ DỤC THỂ THAO, HỘI THAO VÀ CÁC GIẢI THỂ THAO CỦA NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

STT	Nội dung	Mức tiền thưởng (đồng)			
		Cấp trường (*)	Cấp xã (**)	Cấp tỉnh	Quốc gia
1	2	3	4	5	6
I	Khen thưởng học sinh, học viên, sinh viên đạt giải				
1	Giải thưởng toàn đoàn				
	Giải nhất	1.600.000	2.400.000	4.000.000	8.000.000
	Giải nhì	1.200.000	1.800.000	3.000.000	6.000.000
	Giải ba	800.000	1.200.000	2.000.000	4.000.000
	Giải khuyến khích/Giải phong cách	600.000	900.000	1.500.000	3.000.000
2	Giải thưởng đồng đội/đội tuyển				
	Giải nhất/Huy chương vàng	1.200.000	1.800.000	3.000.000	6.000.000
	Giải nhì/Huy chương bạc	800.000	1.200.000	2.000.000	4.000.000
	Giải ba/Huy chương đồng	600.000	900.000	1.500.000	3.000.000
	Giải khuyến khích/Giải phong cách	400.000	600.000	1.000.000	2.000.000
3	Giải đôi, toàn năng				
	Giải nhất/Huy chương vàng	480.000	720.000	1.200.000	2.400.000
	Giải nhì/Huy chương bạc	400.000	600.000	1.000.000	2.000.000
	Giải ba/Huy chương đồng	320.000	480.000	800.000	1.600.000
4	Giải cá nhân/đơn				
	Giải nhất/Huy chương vàng	320.000	480.000	800.000	1.600.000
	Giải nhì/Huy chương bạc	200.000	300.000	500.000	1.000.000
	Giải ba/Huy chương đồng	160.000	240.000	400.000	800.000
II	Khen thưởng dành cho giáo viên, giảng viên đạt giải				
1	Giải thưởng toàn đoàn				
	Giải nhất	1.600.000	2.400.000	4.000.000	8.000.000
	Giải nhì	1.200.000	1.800.000	3.000.000	6.000.000
	Giải ba	800.000	1.200.000	2.000.000	4.000.000
	Giải khuyến khích/Giải phong cách	600.000	900.000	1.500.000	3.000.000
2	Giải thưởng đồng đội/đội tuyển				
	Giải nhất/Huy chương vàng	1.200.000	1.800.000	3.000.000	6.000.000
	Giải nhì/Huy chương bạc	800.000	1.200.000	2.000.000	4.000.000
	Giải ba/Huy chương đồng	600.000	900.000	1.500.000	3.000.000

STT	Nội dung	Mức tiền thưởng (đồng)			
		Cấp trường (*)	Cấp xã (**)	Cấp tỉnh	Quốc gia
1	2	3	4	5	6
	Giải khuyến khích/Giải phong cách	400.000	600.000	1.000.000	2.000.000
3	Giải đôi, toàn năng				
	Giải nhất/Huy chương vàng	480.000	720.000	1.200.000	2.400.000
	Giải nhì/Huy chương bạc	400.000	600.000	1.000.000	2.000.000
	Giải ba/Huy chương đồng	320.000	480.000	800.000	1.600.000
4	Giải cá nhân/đơn				
	Giải nhất/Huy chương vàng	400.000	600.000	1.000.000	2.000.000
	Giải nhì/Huy chương bạc	280.000	420.000	700.000	1.400.000
	Giải ba/Huy chương đồng	200.000	300.000	500.000	1.000.000
III	Khen thưởng nhóm giáo viên, huấn luyện viên, người hướng dẫn có học sinh, học viên đạt giải				
1	Giải đồng đội/đội tuyển				
	Giải nhất		2.000.000	3.000.000	5.000.000
	Giải nhì		1.600.000	2.400.000	4.000.000
	Giải ba		1.200.000	1.800.000	3.000.000
	Giải khuyến khích		800.000	1.200.000	2.000.000
2	Giải đôi, toàn năng				
	Giải nhất		1.200.000	1.800.000	3.000.000
	Giải nhì		800.000	1.200.000	2.000.000
	Giải ba		400.000	900.000	1.000.000
3	Giải cá nhân/đơn				
	Giải nhất		600.000	900.000	1.500.000
	Giải nhì		400.000	600.000	1.000.000
	Giải ba		200.000	300.000	500.000

Ghi chú:

- (*) Cấp trường gồm các trường trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.
- (**) Cấp xã bao gồm cả các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, các trường cao đẳng, trường trung cấp.

Phụ lục II

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. BẢNG SO SÁNH CÁC MỨC CHI*Đơn vị: Đồng*

STT	Nội dung chi khen thưởng	Đơn vị tính	Mức thưởng		
			Mới	Bình Định cũ	Gia Lai cũ
A	Khen thưởng kỳ thi học sinh giỏi				
I	Khen thưởng học sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh				
	Giải nhất	Giải	4.000.000	4.000.000	540.000
	Giải nhì	Giải	2.500.000	2.500.000	450.000
	Giải ba	Giải	1.500.000	1.500.000	360.000
	Giải khuyến khích	Giải	900.000	900.000	270.000
II	Khen thưởng học sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia				
	Giải nhất	Giải	40.000.000	10.000.000	
	Giải nhì	Giải	25.000.000	8.000.000	
	Giải ba	Giải	15.000.000	6.000.000	
	Giải khuyến khích	Giải	9.000.000	4.000.000	
	Khen thưởng giáo viên bộ môn đang trực tiếp giảng dạy học sinh đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia				
	Giải nhất	Giải	5.000.000	5.000.000	
	Giải nhì	Giải	4.000.000	4.000.000	
	Giải ba	Giải	3.000.000	3.000.000	
	Giải khuyến khích	Giải	2.000.000	2.000.000	
III	Khen thưởng nhóm cán bộ, giáo viên, giảng viên được phân công bồi dưỡng học sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia				
1	Các môn đạt từ 04 giải trở xuống	Môn			
	Giải nhất		10.000.000	10.000.000	
	Giải nhì		8.000.000	8.000.000	
	Giải ba		6.000.000	6.000.000	
	Giải khuyến khích		4.000.000	4.000.000	
2	Các môn đạt từ 05 giải đến 09 giải	Môn			
	Giải nhất		15.000.000	20.000.000	
	Giải nhì		12.000.000	16.000.000	

	Giải ba		9.000.000	12.000.000	
	Giải khuyến khích		6.000.000	6.000.000	
3	Các môn đạt từ 10 giải đến 14 giải	Môn			
	Giải nhất		20.000.000	20.000.000	
	Giải nhì		16.000.000	16.000.000	
	Giải ba		12.000.000	12.000.000	
	Giải khuyến khích		8.000.000	8.000.000	
4	Các môn đạt từ 15 giải trở lên	Môn			
	Giải nhất		25.000.000		
	Giải nhì		20.000.000		
	Giải ba		15.000.000		
	Giải khuyến khích		10.000.000		
B	Khen thưởng các cuộc thi, hội thi cấp tỉnh dành cho học sinh phổ thông				
I	Khen thưởng học sinh đạt giải cấp tỉnh				
	Giải nhất	Giải	1.000.000	1.000.000	540.000/ cá nhân 1.440.000/ tập thể
	Giải nhì	Giải	800.000	800.000	450.000/ cá nhân 1.080.000/ tập thể
	Giải ba	Giải	600.000	600.000	360.000/ cá nhân 720.000/ tập thể
	Giải tư/Giải khuyến khích/Giải phong cách/Giải triển vọng	Giải	400.000	400.000	270.000/ cá nhân 540.000/ tập thể
II	Khen thưởng học sinh đạt giải cấp quốc gia				
	Giải nhất	Giải	2.000.000	1.500.000	
	Giải nhì	Giải	1.600.000	1.200.000	
	Giải ba	Giải	1.200.000	900.000	
	Giải tư/Giải khuyến khích/Giải phong cách/Giải triển vọng	Giải	800.000	600.000	
III	Khen thưởng cán bộ, giáo viên, người hướng dẫn học sinh đạt giải cấp quốc gia				
	Giải nhất	Giải	2.500.000	1.500.000	

	Giải nhì	Giải	2.000.000	1.200.000	
	Giải ba	Giải	1.500.000	900.000	
	Giải tư/Giải khuyến khích/Giải phong cách/Giải triển vọng	Giải	1.000.000	600.000	
C	Khen thưởng các cuộc thi, hội thi dành cho học viên, sinh viên cơ sở giáo dục nghề nghiệp				
I	Khen thưởng học viên, sinh viên đạt giải Hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp tỉnh				
1	Đối với giải cá nhân				
	Giải nhất		2.000.000	2.000.000	2.000.000
	Giải nhì		1.500.000	1.500.000	1.500.000
	Giải ba		1.000.000	1.000.000	1.000.000
	Giải khuyến khích		300.000	300.000	300.000
2	Đối với giải tập thể				
	Giải nhất		4.000.000	4.000.000	4.000.000
	Giải nhì		3.000.000	3.000.000	3.000.000
	Giải ba		2.000.000	2.000.000	2.000.000
	Giải khuyến khích		500.000	500.000	500.000
II	Khen thưởng học viên, sinh viên đạt giải trong kỳ thi kỹ năng nghề cấp tỉnh				
1	Đối với giải cá nhân				
	Giải nhất		4.000.000	4.000.000	4.000.000
	Giải nhì		2.000.000	2.000.000	2.000.000
	Giải ba		1.000.000	1.000.000	1.000.000
	Giải khuyến khích		300.000	300.000	300.000
2	Đối với giải tập thể				
	Giải nhất		8.000.000	8.000.000	8.000.000
	Giải nhì		4.000.000	4.000.000	4.000.000
	Giải ba		2.000.000	2.000.000	2.000.000
	Giải khuyến khích		600.000	600.000	600.000
III	Giáo viên, người/nhóm trực tiếp bồi dưỡng học viên, sinh viên nghề đạt giải trong kỳ thi kỹ năng nghề cấp quốc gia				
	Giải nhất	Giải	1.500.000	1.500.000	1.500.000
	Giải nhì	Giải	1.000.000	1.000.000	1.000.000
	Giải ba	Giải	700.000	700.000	700.000

	Giải khuyến khích	Giải	300.000	300.000	300.000
D	Khen thưởng các cuộc thi, hội thi cấp tỉnh dành cho giáo viên, giảng viên				
I	Khen thưởng giáo viên mầm non, giáo viên phổ thông				
	Giải nhất		1.000.000	1.000.000	540.000
	Giải nhì		800.000	800.000	450.000
	Giải ba		600.000	600.000	360.000
	Giải tư/Giải khuyến khích/Giải phong cách/Giải triển vọng		400.000	400.000	270.000
II	Khen thưởng giáo viên, giảng viên cơ sở giáo dục nghề nghiệp				
1	<i>Đối với giải cá nhân</i>				
	Giải nhất		2.000.000	2.000.000	2.000.000
	Giải nhì		1.500.000	1.500.000	1.500.000
	Giải ba		1.000.000	1.000.000	1.000.000
	Giải khuyến khích		300.000	300.000	300.000
2	<i>Đối với giải tập thể</i>				
	Giải nhất		4.000.000	4.000.000	4.000.000
	Giải nhì		3.000.000	3.000.000	3.000.000
	Giải ba		2.000.000	2.000.000	2.000.000
	Giải khuyến khích		500.000	500.000	500.000
E	Khen thưởng Hội khỏe Phù Đổng, Đại hội Thể dục thể thao, hội thao, giải thể thao				
I	<i>Khen thưởng học sinh đạt giải cấp tỉnh</i>				
1	Giải thưởng toàn đoàn				
	Giải nhất	Giải	4.000.000	4.000.000	3.250.000
	Giải nhì	Giải	3.000.000	3.000.000	2.500.000
	Giải ba	Giải	2.000.000	2.000.000	1.750.000
	Giải khuyến khích/Giải phong cách	Giải	1.500.000	1.500.000	
2	Giải thưởng đồng đội/đội tuyển				
	Giải nhất/Huy chương vàng	Giải	3.000.000	3.000.000	7.800.000
	Giải nhì/Huy chương bạc	Giải	2.000.000	2.000.000	6.000.000
	Giải ba/Huy chương đồng	Giải	1.500.000	1.500.000	4.200.000
	Giải khuyến khích/Giải phong cách	Giải	1.000.000	1.000.000	
3	Giải đôi, toàn năng				
	Giải nhất/Huy chương vàng	Giải	1.200.000	1.200.000	1.300.000
	Giải nhì/Huy chương bạc	Giải	1.000.000	1.000.000	1.000.000
	Giải ba/Huy chương đồng	Giải	800.000	800.000	700.000

4	Giải cá nhân/đơn				
	Giải nhất/Huy chương vàng	Giải	800.000	800.000	650.000
	Giải nhì/Huy chương bạc	Giải	500.000	500.000	500.000
	Giải ba/Huy chương đồng	Giải	400.000	400.000	350.000
II	<i>Khen thưởng cán bộ, giáo viên, huấn luyện viên có học sinh đạt giải cấp quốc gia</i>				
1	Nhóm huấn luyện viên có học sinh đạt giải đồng đội/đội tuyển	Giải cao nhất			
	Giải nhất		5.000.000	4.500.000	
	Giải nhì		4.000.000	3.000.000	
	Giải ba		3.000.000	2.250.000	
	Giải khuyến khích		2.000.000	1.500.000	
2	Nhóm huấn luyện viên có học sinh đạt giải đôi, toàn năng				
	Giải nhất		3.000.000	1.800.000	
	Giải nhì		2.000.000	1.500.000	
	Giải ba		1.000.000	1.200.000	
3	Nhóm huấn luyện viên có học sinh đạt giải cá nhân/đơn	Giải cao nhất			
	Giải nhất		1.500.000	1.200.000	
	Giải nhì		1.000.000	750.000	
	Giải ba		500.000	600.000	
B	Khen thưởng các hội thi, hội thao cấp tỉnh dành cho giáo viên				
1	Giải thưởng toàn đoàn				
	Giải nhất	Giải	4.000.000	4.000.000	3.250.000
	Giải nhì	Giải	3.000.000	3.000.000	2.500.000
	Giải ba	Giải	2.000.000	2.000.000	1.750.000
	Giải khuyến khích/Giải phong cách	Giải	1.500.000	1.500.000	
2	Giải thưởng đồng đội/đội tuyển				
	Giải nhất/Huy chương vàng	Giải	3.000.000	3.000.000	7.800.000
	Giải nhì/Huy chương bạc	Giải	2.000.000	2.000.000	6.000.000
	Giải ba/Huy chương đồng	Giải	1.500.000	1.500.000	4.200.000
	Giải khuyến khích/Giải phong cách	Giải	1.000.000	1.000.000	
3	Giải đôi, toàn năng				
	Giải nhất/Huy chương vàng	Giải	1.200.000	1.200.000	1.300.000
	Giải nhì/Huy chương bạc	Giải	1.000.000	1.000.000	1.000.000
	Giải ba/Huy chương đồng	Giải	800.000	800.000	700.000
4	Giải cá nhân/đơn				

	Giải nhất/Huy chương vàng	Giải	1.000.000	800.000	650.000
	Giải nhì/Huy chương bạc	Giải	700.000	500.000	500.000
	Giải ba/Huy chương đồng	Giải	500.000	400.000	350.000

B. TỔNG HỢP SỐ TIỀN KHEN THƯỞNG DỰ KIẾN THỰC HIỆN CHO CÁC KỲ THI, CUỘC THI, HỘI THI, HỘI THAO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THEO MỨC CHI ĐỀ XUẤT

Đơn vị: Nghìn đồng

	Nội dung	Đã chi năm 2025			Tính theo dự thảo Nghị quyết	Chênh lệch	Ghi chú
		Bình Định (trước sắp xếp)	Gia Lai (trước sắp xếp)	Tổng cộng			
I	Tổng hợp tiền thưởng cho kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp quốc gia	852.100	295.740	2.668.740	4.506.900	1.838.160	
1.1	Tiền thưởng Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia		0	302.000	1.577.000	1.275.000	
1.2	Tiền khen thưởng Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh lớp 12			766.900	766.900	0	
1.3	Tiền khen thưởng Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THPT			0	837.000	837.000	
1.3	Tiền khen thưởng Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh lớp 11	511.000		511.000		-511.000	
1.4	Tiền khen thưởng Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh lớp 12 (bảng A)		51.840	51.840		-51.840	
1.5	Tiền khen thưởng Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh lớp 12 (bảng B)		139.860	139.860		-139.860	
1.6	Tiền khen thưởng Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh lớp 9,	341.100	104.040	445.140	837.000	391.860	
1.7	Tiền thưởng giáo viên trực tiếp giảng dạy học sinh đạt giải Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia		0	312.000	312.000	0	

	Nội dung	Đã chi năm 2025			Tính theo dự thảo Nghị quyết	Chênh lệch	Ghi chú
		Bình Định (trước sắp xếp)	Gia Lai (trước sắp xếp)	Tổng cộng			
1.8	Tiền thưởng nhóm giáo viên bồi dưỡng học sinh đạt giải Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia		0	140.000	177.000	37.000	
II	Tổng hợp tiền thưởng cho học sinh đạt giải và giáo viên, giảng dạy, bồi dưỡng, huấn luyện học sinh trong các cuộc thi, hội thi cấp tỉnh, cấp quốc gia	102.300	154.050	256.350	186.100	-70.250	
2.1	Tiền khen thưởng học sinh đạt giải Cuộc thi KHKT cấp tỉnh	25.200	56.520	81.720	42.000	-39.720	
2.2	Tiền khen thưởng học sinh đạt giải Cuộc thi KHKT cấp quốc gia	2.700		2.700	8.600	5.900	
2.3	Tiền khen thưởng giáo viên hướng dẫn học sinh đạt giải Cuộc thi KHKT cấp quốc gia	2.700		2.700	9.500	6.800	
2.4	Tiền khen thưởng Cuộc thi Học sinh với ý tưởng khởi nghiệp cấp tỉnh	0	6.660	6.660	5.000	-1.660	
2.5	Tiền khen thưởng Cuộc thi Học sinh với ý tưởng khởi nghiệp cấp Quốc gia	0	0	0	8.600	8.600	
2.6	Tiền khen thưởng giáo viên hướng dẫn học sinh đạt giải Cuộc thi Học sinh với ý tưởng khởi nghiệp cấp quốc gia	0	0	0	9.500	9.500	
2.7	Tiền khen thưởng kỳ thi Kỹ năng nghề cấp tỉnh	36.700	36.700	73.400	36.700	-36.700	

	Nội dung	Đã chi năm 2025			Tính theo dự thảo Nghị quyết	Chênh lệch	Ghi chú
		Bình Định (trước sắp xếp)	Gia Lai (trước sắp xếp)	Tổng cộng			
2.8	Tiền khen thưởng cho giáo viên, chuyên gia bồi dưỡng học viên thi kỹ năng nghề đạt giải cấp quốc gia	10.800	10.800	21.600	10.800	-10.800	
2.9	Tiền khen thưởng học sinh đạt giải Cuộc thi Sáng kiến bảo vệ trật tự trường học về phòng, chống bạo lực học đường cấp tỉnh	0	19.170	19.170	31.200	12.030	
2.10	Tiền khen thưởng học sinh, sinh viên đạt giải Hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp tỉnh	24.200	24.200	48.400	24.200	-24.200	
III	Tổng hợp tiền khen thưởng cho giáo viên dự thi các Cuộc thi, Hội thi cấp tỉnh	414.200	302.780	179.245	206.200	26.955	
3.1	Tiền thưởng giáo viên đạt giải trong Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh Mầm non	49.200	46.800	24.000	31.450	7.450	
3.2	Tiền thưởng giáo viên đạt giải trong Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh Tiểu học	59.200	52.110	27.827,5	36.000	8.172,5	
3.3	Tiền thưởng giáo viên đạt giải trong Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh THCS	55.600	39.600	23.800	27.000	3.200	
3.4	Tiền thưởng giáo viên đạt giải trong Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh THPT	81.600	26.550	27.037,5	31.750	4.712,5	
3.5	Tiền thưởng giáo viên đạt giải trong Hội thi Giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cấp tỉnh Tiểu học	44.400	40.770	21.292,5	27.750	6.457,5	

	Nội dung	Đã chi năm 2025			Tính theo dự thảo Nghị quyết	Chênh lệch	Ghi chú
		Bình Định (trước sắp xếp)	Gia Lai (trước sắp xếp)	Tổng cộng			
3.6	Tiền thưởng giáo viên đạt giải trong Hội thi Giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cấp tỉnh THCS	57.000	39.600	24.150	21.850	-2.300	
3.7	Tiền thưởng giáo viên đạt giải trong Hội thi Giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cấp tỉnh THPT	33.600	26.550	15.037,5	18.950	3.912,5	
3.8	Tiền thưởng giáo viên đạt giải trong Hội thi Giáo viên Tổng phụ trách Đội giỏi cấp tỉnh	10.800	6.600	4.350	5.400	1.050	
3.9	Tiền thưởng cho Giáo viên GDNĐ đạt giải Hội thi, Hội giảng cấp tỉnh	24.200	24.200	12.100	6.050	-6.050	
IV	Tổng hợp tiền khen thưởng cho học sinh đạt giải trong Hội khỏe Phù Đổng, Đại hội TDTT, hội thao, giải thể thao cấp tỉnh, cấp quốc gia	512.600	1.207.430	430.007,5	377.395	-52.612,5	
4.1	Khen thưởng học sinh đạt giải Hội khỏe Phù Đổng cấp tỉnh	307.100	604.950	228.012,5	151.250	-76.762,5	Tổ chức 4 năm/lần, kinh phí TB 1 năm
4.2	Khen thưởng học sinh đạt giải Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc	33.600	0	8.400	12.100	3.700	Tổ chức 4 năm/lần, kinh phí TB 1 năm
4.3	Khen thưởng Huấn luyện viên có học sinh đạt giải Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc	32.400	0	8.100	11.500	3.400	Tổ chức 4 năm/lần, kinh phí TB 1 năm
4.4	Khen thưởng học sinh đạt giải thể thao/Đại hội Thể dục Thể thao cấp tỉnh	139.500	274.800	103.575	109.500	5.925	Tổ chức 4 năm/lần, kinh phí TB 1 năm

	Nội dung	Đã chi năm 2025			Tính theo dự thảo Nghị quyết	Chênh lệch	Ghi chú
		Bình Định (trước sắp xếp)	Gia Lai (trước sắp xếp)	Tổng cộng			
4.4	Khen thưởng học sinh đạt giải Hội thao/Hội thao Quốc phòng an ninh cấp tỉnh		58.900	14.725	14.725	0	Tổ chức 4 năm/lần, kinh phí TB 1 năm
4.5	Khen thưởng học sinh đạt giải Hội thao/Hội thao Quốc phòng an ninh toàn quốc		22.500	5.625	10.000	4.375	Tổ chức 4 năm/lần, kinh phí TB 1 năm
4.6	Khen thưởng huấn luyện viên có học sinh đạt giải Hội thao/Hội thao Quốc phòng an ninh toàn quốc		21.000	5.250	12.000	6.750	Tổ chức 4 năm/lần, kinh phí TB 1 năm
4.7	Khen thưởng cán bộ, giáo viên đạt giải Hội thao/ Đại hội Thể dục Thể thao	0	225.280	56.320	56.320	0	Tổ chức 4 năm/lần, kinh phí TB 1 năm
	Tổng cộng	1.881.200	1.960.000	3.534.342,5	5.276.595	1.742.252,5	

- Tổng cộng tiền thưởng các kỳ thi, cuộc thi, hội thi đã áp dụng trong năm 2025: 3.534.342.500 đồng (*Ba tỷ, năm trăm ba mươi bốn triệu, ba trăm bốn mươi hai ngàn, năm trăm đồng chẵn*).

- Tổng cộng tiền thưởng các kỳ thi, cuộc thi, hội thi theo đề xuất của Nghị quyết: 5.276.595.000 đồng (*Năm tỷ, hai trăm bảy mươi sáu triệu, năm trăm chín mươi lăm ngàn đồng chẵn*).

- Nếu áp dụng Nghị quyết mới thì kinh phí sẽ tăng: 1.742.252.500 đồng (*Một tỷ, bảy trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm năm mươi hai ngàn, năm trăm đồng chẵn*).

Số: /2026/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức tiền thưởng đối với giáo viên, giảng viên, huấn luyện viên, người hướng dẫn và học sinh, học viên, sinh viên thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai trong các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội giảng, hội thao, các giải thể thao của ngành Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Giáo dục số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 66/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 110/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chế độ khen thưởng đối với học sinh, sinh viên, học viên đoạt giải trong các kỳ thi quốc gia, quốc tế;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 43/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định nội dung và mức chi hoạt động thi tay nghề các cấp;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 79/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định nội dung và mức chi hoạt động Hội giảng giáo viên dạy nghề và Hội thi thiết bị dạy nghề tự làm;

Xét Tờ trình số 466/TTr-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định mức chi khen thưởng đối với giáo viên, giảng viên, huấn luyện viên, người hướng dẫn, bồi dưỡng và học sinh, học viên, sinh viên thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai trong các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội giảng, hội thao, các giải thể thao của ngành Giáo dục và Đào tạo; Báo cáo thẩm tra số 22/BC-VHXXH ngày 22 tháng 4 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức tiền thưởng đối với giáo viên, giảng viên, huấn luyện viên, người hướng dẫn và học sinh, học viên,

sinh viên thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai trong các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội giảng, hội thao, các giải thể thao của ngành Giáo dục và Đào tạo.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định mức tiền thưởng đối với cán bộ, giáo viên, giảng viên, huấn luyện viên, người hướng dẫn, bồi dưỡng, giảng dạy và giáo viên, giảng viên, học sinh, học viên, sinh viên thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai đạt giải trong các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội giảng, hội thao, các giải thể thao do ngành Giáo dục và Đào tạo tổ chức hoặc quyết định cử tham gia.

2. Tên gọi, nội dung, quy chế các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội giảng, hội thao, các giải thể thao do ngành Giáo dục và Đào tạo, các tổ chức trong nước và quốc tế quy định.

Điều 2. Đối tượng khen thưởng

1. Giáo viên, giảng viên, học sinh, học viên, sinh viên thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai đạt giải trong các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội giảng, hội thao, các giải thể thao do ngành Giáo dục và Đào tạo tổ chức hoặc quyết định cử tham gia.

2. Cán bộ, giáo viên, giảng viên, huấn luyện viên, người hướng dẫn, bồi dưỡng, giảng dạy, huấn luyện học sinh, học viên, sinh viên đạt giải trong các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội giảng, hội thao, các giải thể thao do ngành Giáo dục và Đào tạo tổ chức hoặc quyết định cử tham gia.

Điều 3. Mức tiền thưởng

1. Mức tiền thưởng cho học sinh đạt giải; giáo viên bộ môn trực tiếp giảng dạy học sinh đạt giải; nhóm cán bộ, giáo viên, giảng viên bồi dưỡng học sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi: thực hiện theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này.

2. Mức tiền thưởng cho giáo viên, giảng viên, học sinh, học viên, sinh viên đạt giải và cán bộ, giáo viên, giảng viên, người hướng dẫn học sinh, học viên, sinh viên đạt giải trong các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội giảng của ngành Giáo dục và Đào tạo: thực hiện theo quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này.

3. Mức tiền thưởng cho giáo viên, giảng viên, học sinh, học viên, sinh viên đạt giải và cán bộ, giáo viên, giảng viên, huấn luyện viên, người hướng dẫn học sinh, học viên, sinh viên đạt giải trong Hội khỏe Phù Đổng, Đại hội Thể dục thể thao, hội thao, các giải thể thao của ngành Giáo dục và Đào tạo: thực hiện theo quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị quyết này.

4. Cán bộ, giáo viên, giảng viên, huấn luyện viên, người hướng dẫn có nhiều học sinh, học viên, sinh viên đạt giải trong một kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội giảng, hội thao, giải thể thao ở cùng một môn thi thì chỉ được hưởng một mức thưởng cao nhất (trừ kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa).

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 24 tháng 4 năm 2026.
2. Nghị quyết số 36/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định ban hành quy định nội dung, mức chi khen thưởng cho cán bộ, giáo viên và học sinh trên địa bàn tỉnh Bình Định tham gia các hội thi, kỳ thi, cuộc thi do ngành Giáo dục tổ chức hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XIII Kỳ họp thứ 2 (chuyên đề) thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB & QLXLVPHC);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm PVHCC tỉnh (đăng tải trên công báo điện tử);
- Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp.

CHỦ TỊCH

Rah Lan Chung

Phụ lục I
MỨC TIỀN THƯỞNG CHO HỌC SINH ĐẠT GIẢI VÀ
CÁN BỘ, GIÁO VIÊN, GIẢNG VIÊN BỒI DƯỠNG HỌC SINH ĐẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI
(Kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày 24 tháng 4 năm 2026
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Nội dung	Mức tiền thưởng (đồng/giải)			
		Cấp tỉnh	Quốc gia	Khu vực	Quốc tế
1	2	3	4	5	6
I	Khen thưởng học sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi				
	Giải nhất/ Huy chương Vàng	4.000.000	20.000.000	60.000.000	80.000.000
	Giải nhì/ Huy chương Bạc	2.500.000	12.500.000	37.500.000	50.000.000
	Giải ba/ Huy chương Đồng	1.500.000	7.500.000	22.500.000	30.000.000
	Giải khuyến khích	900.000	4.500.000	13.500.000	18.000.000
II	Khen thưởng giáo viên bộ môn trực tiếp giảng dạy học sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia				
	Giải nhất		5.000.000		
	Giải nhì		4.000.000		
	Giải ba		3.000.000		
	Giải khuyến khích		2.000.000		
III	Khen thưởng nhóm cán bộ, giáo viên, giảng viên bồi dưỡng học sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia (*) (đồng/môn)				
1	Đạt từ 01 đến dưới 05 giải				
	Giải nhất		10.000.000		
	Giải nhì		8.000.000		
	Giải ba		6.000.000		
	Giải khuyến khích		4.000.000		
2	Đạt từ 05 đến dưới 10 giải				
	Giải nhất		15.000.000		
	Giải nhì		12.000.000		
	Giải ba		9.000.000		
	Giải khuyến khích		6.000.000		
3	Đạt từ 10 đến dưới 15 giải				
	Giải nhất		20.000.000		
	Giải nhì		16.000.000		
	Giải ba		12.000.000		
	Giải khuyến khích		8.000.000		
4	Đạt từ 15 giải trở lên				
	Giải nhất		25.000.000		
	Giải nhì		20.000.000		
	Giải ba		15.000.000		
	Giải khuyến khích		10.000.000		

Ghi chú:

- (*) Mức tiền thưởng nhóm cán bộ, giáo viên, giảng viên bồi dưỡng học sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia được tính theo tổng số giải học sinh đạt được của môn học, tương ứng với mức tiền thưởng ở giải cao nhất trong các giải đạt được.

- Mức tiền thưởng cho học sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp xã, cấp trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo bằng 0,4 lần mức tiền thưởng cho học sinh đạt giải cấp tỉnh.

- Mức tiền thưởng cho giáo viên bộ môn trực tiếp giảng dạy học sinh đạt giải cấp tỉnh bằng 0,4 lần mức tiền thưởng cho giáo viên bộ môn trực tiếp giảng dạy học sinh đạt giải cấp quốc gia.

- Mức tiền thưởng cho nhóm cán bộ, giáo viên bồi dưỡng học sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh bằng 0,4 lần mức tiền thưởng cho nhóm cán bộ, giáo viên, giảng viên bồi dưỡng học sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia.

- Mức tiền thưởng cho học sinh đạt giải cấp trường trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã bằng 0,2 lần mức tiền thưởng cho học sinh đạt giải cấp tỉnh.

Phụ lục II

**MỨC TIỀN THƯỞNG CHO GIÁO VIÊN, GIẢNG VIÊN, HỌC SINH,
HỌC VIÊN, SINH VIÊN ĐẠT GIẢI VÀ CÁN BỘ, GIÁO VIÊN, GIẢNG VIÊN,
NGƯỜI HƯỚNG DẪN HỌC SINH, HỌC VIÊN, SINH VIÊN TRONG CÁC KỲ
THI, CUỘC THI, HỘI THI, HỘI GIẢNG CỦA NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

(Kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày 24 tháng 4 năm 2026

của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Nội dung	Mức tiền thưởng (đồng/giải)			
		Cấp trường (*)	Cấp xã (**)	Cấp tỉnh	Quốc gia
1	2	3	4	5	6
A	Cuộc thi, hội thi dành cho học sinh				
I	Khen thưởng học sinh đạt giải				
	Giải nhất	400.000	600.000	1.000.000	2.000.000
	Giải nhì	320.000	480.000	800.000	1.600.000
	Giải ba	240.000	360.000	600.000	1.200.000
	Giải tư/ Giải khuyến khích/ Giải phong cách/ Giải triển vọng	160.000	240.000	400.000	800.000
II	Khen thưởng giáo viên, giảng viên, người hướng dẫn học sinh đạt giải				
	Giải nhất		600.000	1.000.000	2.500.000
	Giải nhì		480.000	800.000	2.000.000
	Giải ba		360.000	600.000	1.500.000
	Giải tư/ Giải khuyến khích/ Giải phong cách/ Giải triển vọng		240.000	400.000	1.000.000
B	Kỳ thi, hội thi dành cho học sinh, học viên, sinh viên, tác giả, nhóm tác giả cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp				
I	Khen thưởng tác giả, nhóm tác giả đạt giải hội thi thiết bị đào tạo tự làm				
1	Đối với giải cá nhân				
	Giải nhất		1.200.000	2.000.000	4.000.000
	Giải nhì		900.000	1.500.000	3.000.000
	Giải ba		600.000	1.000.000	2.000.000
	Giải khuyến khích		180.000	300.000	600.000
2	Đối với giải tập thể				
	Giải nhất		2.400.000	4.000.000	8.000.000
	Giải nhì		1.800.000	3.000.000	6.000.000
	Giải ba		1.200.000	2.000.000	4.000.000
	Giải khuyến khích		300.000	500.000	1.000.000
II	Khen thưởng học sinh, học viên, sinh viên đạt giải trong kỳ thi kỹ năng nghề				
1	Đối với giải cá nhân				
	Giải nhất		2.400.000	4.000.000	8.000.000
	Giải nhì		1.200.000	2.000.000	4.000.000

STT	Nội dung	Mức tiền thưởng (đồng/giải)			
		Cấp trường (*)	Cấp xã (**)	Cấp tỉnh	Quốc gia
1	2	3	4	5	6
	Giải ba		600.000	1.000.000	2.000.000
	Giải khuyến khích		180.000	300.000	600.000
2	Đối với giải tập thể				
	Giải nhất		4.800.000	8.000.000	16.000.000
	Giải nhì		2.400.000	4.000.000	8.000.000
	Giải ba		1.200.000	2.000.000	4.000.000
	Giải khuyến khích		360.000	600.000	1.200.000
III	Khen thưởng giáo viên, giảng viên, người hướng dẫn học viên, sinh viên đạt giải trong kỳ thi kỹ năng nghề				
	Giải nhất		600.000	900.000	1.500.000
	Giải nhì		400.000	600.000	1.000.000
	Giải ba		280.000	420.000	700.000
	Giải khuyến khích		120.000	180.000	300.000
C	Kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội giảng dành cho giáo viên, giảng viên				
I	Khen thưởng giáo viên mầm non, giáo viên phổ thông đạt giải				
	Giải nhất	400.000	600.000	1.000.000	2.000.000
	Giải nhì	320.000	480.000	800.000	1.600.000
	Giải ba	240.000	360.000	600.000	1.200.000
	Giải tư/ Giải khuyến khích/ Giải phong cách/ Giải triển vọng	160.000	240.000	400.000	800.000
II	Khen thưởng giáo viên, giảng viên cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp đạt giải				
1	Đối với giải cá nhân				
	Giải nhất		1.200.000	2.000.000	4.000.000
	Giải nhì		900.000	1.500.000	3.000.000
	Giải ba		600.000	1.000.000	2.000.000
	Giải khuyến khích		180.000	300.000	600.000
2	Đối với giải tập thể				
	Giải nhất		2.400.000	4.000.000	8.000.000
	Giải nhì		1.800.000	3.000.000	6.000.000
	Giải ba		1.200.000	2.000.000	4.000.000
	Giải khuyến khích		300.000	500.000	1.000.000
D	Khen thưởng học sinh, sinh viên, học viên đạt giải trong kỳ thi kỹ năng nghề quốc tế, châu Á, Đông Nam Á				
			Mức tiền thưởng (đồng/giải)		
			Đông Nam Á	Châu Á	Quốc tế
I	Huy chương Vàng		30.000.000	60.000.000	80.000.000
II	Huy chương Bạc		18.800.000	37.500.000	50.000.000
III	Huy chương Đồng		11.500.000	22.500.000	30.000.000

STT	Nội dung	Mức tiền thưởng (đồng/giải)			
		Cấp trường (*)	Cấp xã (**)	Cấp tỉnh	Quốc gia
1	2	3	4	5	6
IV	Giải khuyến khích		6.800.000	13.500.000	18.000.000

Ghi chú:

- (*) Cấp trường gồm các trường trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.
- (**) Cấp xã bao gồm cả các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, các trường cao đẳng, trường trung cấp.

Phụ lục III

MỨC TIỀN THƯỞNG CHO GIÁO VIÊN, GIẢNG VIÊN, HỌC SINH, HỌC VIÊN, SINH VIÊN ĐẠT GIẢI VÀ CÁN BỘ, GIÁO VIÊN, HUẤN LUYỆN VIÊN, NGƯỜI HƯỚNG DẪN HỌC SINH, HỌC VIÊN, SINH VIÊN TRONG HỘI KHỎE PHÙ ĐỔNG, ĐẠI HỘI THỂ DỤC THỂ THAO, HỘI THAO, CÁC GIẢI THỂ THAO CỦA NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Nội dung	Mức tiền thưởng (đồng/giải)			
		Cấp trường (*)	Cấp xã (**)	Cấp tỉnh	Quốc gia
1	2	3	4	5	6
I	Khen thưởng học sinh, học viên, sinh viên đạt giải				
1	Giải toàn đoàn				
	Giải nhất	1.600.000	2.400.000	4.000.000	8.000.000
	Giải nhì	1.200.000	1.800.000	3.000.000	6.000.000
	Giải ba	800.000	1.200.000	2.000.000	4.000.000
	Giải khuyến khích/ Giải phong cách	600.000	900.000	1.500.000	3.000.000
2	Giải đồng đội/ đội tuyển				
	Giải nhất/ Huy chương Vàng	1.200.000	1.800.000	3.000.000	6.000.000
	Giải nhì/ Huy chương Bạc	800.000	1.200.000	2.000.000	4.000.000
	Giải ba/ Huy chương Đồng	600.000	900.000	1.500.000	3.000.000
	Giải khuyến khích/ Giải phong cách	400.000	600.000	1.000.000	2.000.000
3	Giải đôi/ toàn năng				
	Giải nhất/ Huy chương Vàng	480.000	720.000	1.200.000	2.400.000
	Giải nhì/ Huy chương Bạc	400.000	600.000	1.000.000	2.000.000
	Giải ba/ Huy chương Đồng	320.000	480.000	800.000	1.600.000
4	Giải cá nhân/ đơn				
	Giải nhất/ Huy chương Vàng	320.000	480.000	800.000	1.600.000
	Giải nhì/ Huy chương Bạc	200.000	300.000	500.000	1.000.000
	Giải ba/ Huy chương Đồng	160.000	240.000	400.000	800.000
II	Khen thưởng dành cho giáo viên, giảng viên đạt giải				
1	Giải toàn đoàn				
	Giải nhất	1.600.000	2.400.000	4.000.000	8.000.000
	Giải nhì	1.200.000	1.800.000	3.000.000	6.000.000
	Giải ba	800.000	1.200.000	2.000.000	4.000.000
	Giải khuyến khích/ Giải phong cách	600.000	900.000	1.500.000	3.000.000
2	Giải đồng đội/ đội tuyển				
	Giải nhất/ Huy chương Vàng	1.200.000	1.800.000	3.000.000	6.000.000
	Giải nhì/ Huy chương Bạc	800.000	1.200.000	2.000.000	4.000.000

STT	Nội dung	Mức tiền thưởng (đồng/giải)			
		Cấp trường (*)	Cấp xã (**)	Cấp tỉnh	Quốc gia
1	2	3	4	5	6
	Giải ba/ Huy chương Đồng	600.000	900.000	1.500.000	3.000.000
	Giải khuyến khích/ Giải phong cách	400.000	600.000	1.000.000	2.000.000
3	Giải đôi/ toàn năng				
	Giải nhất/ Huy chương Vàng	480.000	720.000	1.200.000	2.400.000
	Giải nhì/ Huy chương Bạc	400.000	600.000	1.000.000	2.000.000
	Giải ba/ Huy chương Đồng	320.000	480.000	800.000	1.600.000
4	Giải cá nhân/ đơn				
	Giải nhất/ Huy chương Vàng	400.000	600.000	1.000.000	2.000.000
	Giải nhì/ Huy chương Bạc	280.000	420.000	700.000	1.400.000
	Giải ba/ Huy chương Đồng	200.000	300.000	500.000	1.000.000
III	Khen thưởng nhóm cán bộ, giáo viên, huấn luyện viên, người hướng dẫn có học sinh, học viên đạt giải				
1	Giải đồng đội/ đội tuyển				
	Giải nhất/ Huy chương Vàng		2.000.000	3.000.000	5.000.000
	Giải nhì/ Huy chương Bạc		1.600.000	2.400.000	4.000.000
	Giải ba/ Huy chương Đồng		1.200.000	1.800.000	3.000.000
	Giải khuyến khích		800.000	1.200.000	2.000.000
2	Giải đôi/ toàn năng				
	Giải nhất/ Huy chương Vàng		1.200.000	1.800.000	3.000.000
	Giải nhì/ Huy chương Bạc		800.000	1.200.000	2.000.000
	Giải ba/ Huy chương Đồng		400.000	600.000	1.000.000
3	Giải cá nhân/ đơn				
	Giải nhất/ Huy chương Vàng		600.000	900.000	1.500.000
	Giải nhì/ Huy chương Bạc		400.000	600.000	1.000.000
	Giải ba/ Huy chương Đồng		200.000	300.000	500.000

Ghi chú:

- (*) Cấp trường gồm các trường trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.
- (**) Cấp xã bao gồm cả các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, các trường cao đẳng, trường trung cấp./.